

CÔNG TY TNHH HAVINACO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HAVINACO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAVINACO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107766693

3. Ngày thành lập: 20/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26, ngõ 42 đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904522583

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ uống	4633
2.	Bán buôn gạo	4631
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải	4759
5.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

6.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
7.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
8.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó và các gara ô tô;	9319
9.	Quảng cáo	7310
10.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
11.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
12.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
16.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
17.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ những loại nhà nước cấm)	8299
22.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
23.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
24.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết:	4659
26.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

27.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
30.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
32.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
33.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Giáo dục mầm non	8510
36.	Giáo dục tiểu học	8520
37.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Cho thuê xe có động cơ	7710
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch;	7490
45.	Bán buôn thực phẩm	4632
46.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
49.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
51.	Đại lý du lịch	7911

